

Số: **83** /TTr-UBND

Hà Nội, ngày **13** tháng 11 năm 2015.

TỜ TRÌNH

Về việc: điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) Thành phố Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Căn cứ Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 20/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về công tác điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) cấp quốc gia, UBND thành phố Hà Nội báo cáo, đề xuất HĐND thành phố Hà Nội phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) thành phố Hà Nội như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 5 NĂM KỲ ĐẦU 2011-2015

1. Kết quả thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất giai đoạn 2011-2015

a) Giai đoạn thực hiện từ 2011-2014 (theo Luật Đất đai 2003)

Căn cứ Nghị Quyết số 06/NQ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011- 2015) thành phố Hà Nội, UBND Thành phố đã thực hiện phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của 30/30 quận, huyện, thị xã.

Theo đó, tổng số danh mục các công trình, dự án trong kỳ kế hoạch 5 năm 2011-2015 là 14.351 dự án, với diện tích chuyển mục đích sử dụng đất là 24.037 ha. Các dự án công trình theo kế hoạch thực hiện trong giai đoạn 2011-2014 là 12.190 dự án, với diện tích là 20.105 ha; kết quả thực hiện công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ 2011-2014 là 2.380 công trình, dự án, với diện tích là 7.640 ha, đạt 38% kế hoạch.

b) Thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 (theo Luật Đất đai 2013)

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của HĐND Thành phố về việc phê duyệt danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2015; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2015, UBND Thành phố đã phê duyệt 30/30 Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 cấp huyện. Trong quá trình tổ chức, thực hiện, UBND Thành phố đã có Quyết định số 5045/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nhu cầu sử dụng đất tại Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của 28 quận, huyện, thị xã để thực hiện các dự án vì mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội. Sau khi phê duyệt điều chỉnh,



tổng số công trình, dự án nằm trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 cấp huyện là: 2.161 công trình, dự án, với diện tích là 3.932 ha.

Năm 2015, Thành phố Hà Nội thực hiện công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất là 897 dự án, với diện tích là 2.028 ha (bao gồm cả diện tích đất chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp), đạt 52% kế hoạch.

Tổng hợp chung giai đoạn 2011-2015 thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất là 9.668 ha, đạt 40 % kế hoạch, trong đó:

- Đất xây dựng trụ sở, công trình sự nghiệp: 126,85/253,7 ha, đạt 50%;
- Đất quốc phòng: 660,64/1.468,1 ha, đạt 45%;
- Đất an ninh: 234,1/498,1 ha, đạt 47%;
- Đất khu, cụm công nghiệp: 501/1.790 ha, đạt 28%;
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 179,95/719,8 ha, đạt 25%;
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 127,1/1.059,4 ha, đạt 12%;
- Đất phát triển hạ tầng: 4.795/14.105 ha, đạt 34%;
- Đất cơ sở giáo dục, đào tạo: 562/2.344 ha, đạt 24%;
- Đất cơ sở thể dục, thể thao: 169,8/1.132,1 ha, đạt 15%;
- Đất ở tại đô thị: 768 ha/1682 ha, đạt 45,6%.

2. Đánh giá kết quả đạt được

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã thực hiện đúng các quy định, chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường về xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, góp phần phát huy hiệu quả công tác quản lý đất đai; bố trí đủ, kịp thời quỹ đất cho phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị và hiện đại hóa công nghiệp; khoanh định đất nông nghiệp, giữ vững được đất rừng, đảm bảo vành đai xanh, cung cấp thực phẩm, cải thiện môi trường sinh thái và đa dạng sinh học và phân bố dân cư phù hợp, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân theo hướng văn minh.

Thông qua việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, đất đai đã trở thành nguồn lực tài chính quan trọng phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của quốc gia và của Thành phố (hàng năm nguồn thu từ đất chiếm khoảng 10% thu ngân sách Thành phố).

3. Hạn chế và nguyên nhân

Kết quả thực hiện Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất còn thấp; một số chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất không phù hợp với thực tế làm ảnh hưởng đến kết quả chung thực hiện quy hoạch sử dụng đất của Thành phố; công tác đăng ký nhu cầu sử dụng đất của chính quyền các cấp và tổng hợp, cân đối của các Sở, ngành còn chủ quan chưa bán sát, phù hợp với khả năng nguồn lực và tiến độ thực hiện; một số dự án được giao đất, cho thuê đất chậm triển khai, để hoang hóa, chậm đưa đất vào sử dụng, gây bức xúc trong nhân dân.

a) Nguyên nhân khách quan

- Thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, nhiều dự án phải dừng triển

khai thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để chờ điều chỉnh quy hoạch theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô và Quy hoạch phân khu đô thị;

- Chủ trương lập Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 từ năm 2009, nhưng vì nhiều lý do khách quan phải dừng lại (do Quốc hội và Chính phủ chưa thông qua chỉ tiêu phân bổ các loại đất cả nước); ngày 22/2/2011, Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 259/TTg-KTTN chỉ đạo về lập danh mục các dự án đầu tư cấp bách trong khi quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011 - 2020, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2015 chưa được phê duyệt; ngày 22/11/2011 Quốc hội mới ban hành Nghị quyết số 17/2011/QH13 thông qua chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất của cả nước; ngày 23/02/2012 Chính phủ mới có văn bản số 23/CP-KTN phân bổ chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia để các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện. Do đó ảnh hưởng đến việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thời điểm xây dựng Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thành phố Hà Nội, nền kinh tế chung cả nước cũng như của Thủ đô phát triển với chỉ số cao, các nhà đầu tư kỳ vọng vào tăng trưởng kinh tế và đầu tư, nên đăng ký nhu cầu sử dụng đất lớn hơn so với khả năng thực hiện;

- Từ năm 2012 đến nay nền kinh tế chung gặp nhiều khó khăn; vốn đầu tư công giảm, nhiều công trình, dự án phải ngừng, đình hoãn, giãn tiến độ thực hiện trong giai đoạn 2011-2015; Thị trường bất động sản trầm lắng, các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước giảm, nhiều dự án đã được giao đất, cho thuê đất thời kỳ trước năm 2011 được giãn tiến độ đến nay mới bắt đầu triển khai thực hiện dẫn đến giảm nhu cầu về sử dụng đất trên địa bàn toàn Thành phố;

- Năm 2013, Luật Đất đai được ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2014 nên nhiều cơ chế, chính sách về đất đai thay đổi, có sự chuyển tiếp nên có ảnh hưởng nhất định đến việc thực hiện Quy hoạch sử dụng đất và Kế hoạch sử dụng đất.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Công tác dự báo một số chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chưa sát với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và khả năng thực hiện; việc thực hiện đăng ký nhu cầu sử dụng đất của một số dự án đầu tư còn mang tính chủ quan, tình thế;

- Nhiều chủ đầu tư chưa quyết liệt thực hiện công tác GPMB, dẫn đến tiến độ thực hiện dự án đầu tư còn chậm làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất;

- Việc tổ chức thực hiện phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt của các Sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã còn thiếu đồng bộ; thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát.

- Việc giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo giá sát thị trường; các dự án đầu tư có sử dụng đất được thẩm định nhu cầu sử dụng đất chặt chẽ theo quy định của pháp luật nên có tác động tích cực đến việc sử dụng đất tiết kiệm của các chủ đầu tư.

II. ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Căn cứ pháp lý

- Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến 2030;

- Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/2/2012 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển kinh tế xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị Quyết số 06/NQ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) thành phố Hà Nội;

- Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 05/12/2014 của Chính phủ về xét duyệt quy hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất quốc phòng 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của Bộ Quốc phòng;

- Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 05/12/2014 của Chính phủ về xét duyệt quy hoạch sử dụng đất vào mục đích an ninh đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất an ninh 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của Bộ Công an;

- Các quy hoạch chuyên ngành được UBND Thành phố, Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt: quy hoạch phát triển công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, thủy lợi, y tế, giáo dục... đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch đầu tư công trung hạn của Thành phố giai đoạn 2016-2020 và nhu cầu sử dụng đất để triển khai thực hiện các dự án, công trình trong giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn Thành phố.

Trong giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng 2016- 2020 Thành phố Hà Nội xác định các chỉ tiêu: Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2016-2020: 8,5-9,0%, trong đó: dịch vụ 7,8-8,3%, công nghiệp - xây dựng 10-10,5%, nông nghiệp 3,5- 4%; Cơ cấu kinh tế năm 2020: Dịch vụ 61-62%, công nghiệp - xây dựng 35-36,5%, nông nghiệp 2,5-3,0%; GRDP bình quân/người: 140-145 triệu đồng (tương đương 6.700-6.800 USD); Huy động vốn đầu tư xã hội giai đoạn 2016-2020: khoảng 2.500-2.600 nghìn tỷ đồng (tương đương mức tăng: 13-14%/năm); Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 70-75% tổng số xã (tăng thêm 110-130 xã so với năm 2015); Tỷ lệ trường công lập (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) đạt chuẩn quốc gia: 65-70%; Số giường bệnh/vạn dân: 23; tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo chuẩn mới của Bộ Y tế): 100%...

2. Các chỉ tiêu đề nghị điều chỉnh

Để đảm bảo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, hoàn thành tốt các chỉ tiêu trên, UBND Thành phố rà soát Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Hà Nội và xác định có 18 chỉ tiêu sử dụng đất đề nghị điều chỉnh so với chỉ tiêu đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị Quyết số 06/NQ-CP ngày 09/01/2013. Cụ thể như sau:

(1) Chỉ tiêu đất rừng

Theo phân bổ, chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 là: 2.449 ha; kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015 là: 2.341 ha; còn lại (chưa thực hiện) là: 108 ha. Ủy ban nhân dân Thành phố cân đối, xác định nhu cầu sử dụng đất vào mục đích phát triển rừng thời kỳ 2016 – 2020 là 4.455 ha; đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 là 6.796 ha, tăng 4.346 ha so với chỉ tiêu phân bổ (*trong đó: đất rừng phòng hộ tăng 589 ha so với chỉ tiêu phân bổ; đất rừng đặc dụng giảm 2.347 ha so với chỉ tiêu phân bổ; đất rừng sản xuất tăng 3.766 ha*).

Lý do điều chỉnh

Để đảm bảo thực hiện Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 của UBND Thành phố về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng Thành phố giai đoạn 2012-2020; Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hệ thống rừng đặc dụng cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011.

(2) Chỉ tiêu đất quốc phòng

Theo phân bổ, chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 là: 6.028 ha; kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015 là: 660 ha; còn lại (chưa thực hiện) là: 5.368 ha. Ủy ban nhân dân Thành phố cân đối, xác định nhu cầu sử dụng đất vào mục đích quốc phòng thời kỳ 2016 – 2020 là 3.942 ha (*bao gồm các công trình phòng thủ, trú ẩn và trụ sở Ban Chỉ huy quân sự cấp xã*); đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 là 4.603 ha, giảm 1.425 ha so với chỉ tiêu phân bổ.

Lý do điều chỉnh

Để đảm bảo thực hiện Nghị quyết 91/NQ-CP ngày 05/12/2014 của Chính phủ về việc xét duyệt quy hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của Bộ Quốc phòng; Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011.

(3) Chỉ tiêu đất an ninh

Theo phân bổ, chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 là: 420 ha; kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015 là: 234 ha; còn lại (chưa thực hiện) là: 186 ha. Ủy ban nhân dân Thành phố cân đối, xác định nhu cầu sử dụng đất vào mục đích an ninh thời kỳ 2016 – 2020 là 393 ha (*bao gồm các các trụ sở tuần tra, phòng cháy chữa cháy...*); đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 là 627 ha, tăng 207 ha so với chỉ tiêu phân bổ.

Lý do điều chỉnh

Để đảm bảo thực hiện Nghị quyết 90/NQ-CP ngày 05/12/2014 của Chính phủ về xét duyệt quy hoạch sử dụng đất vào mục đích an ninh đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất vào mục đích an ninh 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của Bộ Công an và nhu cầu sử dụng quỹ đất cho các mục đích an ninh trên địa bàn Thành phố.

(4) Đất xây dựng khu, cụm công nghiệp

Theo phân bổ, chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 là: 4.562 ha; kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015 là: 501 ha; còn lại (chưa thực hiện) là: 4.061 ha. Ủy ban nhân dân Thành phố cân đối, xác định nhu cầu sử dụng đất vào mục đích xây dựng Khu, Cụm công nghiệp thời kỳ 2016 – 2020 là 2.745 ha (gồm 09 Khu công nghiệp và 154 Cụm công nghiệp); đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 là 3.246 ha, giảm 1.316 ha so với chỉ tiêu phân bổ.

Lý do điều chỉnh

Để đảm bảo thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 2376/TTg-KTN ngày 01/12/2014 về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020; Văn bản số 8407/BKHĐT-QLKKT ngày 07/11/2014 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về Đề án bổ sung Khu công nghiệp và đề án nâng cấp Cụm công nghiệp lên thành Khu công nghiệp của thành phố Hà Nội vào quy hoạch phát triển khu công nghiệp cả nước đến năm 2020; Văn bản số 9036/BCT-CNĐP ngày 16/9/2014 của Bộ Công thương thỏa thuận quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 thành phố Hà Nội.

(5) Đất di tích, danh thắng

Theo phân bổ, chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 là: 1.097 ha; kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015 là: 8 ha; còn lại (chưa thực hiện) là: 1.089 ha. Ủy ban nhân dân Thành phố cân đối, xác định nhu cầu sử dụng đất vào mục đích di tích, danh thắng thời kỳ 2016 – 2020 là 614 ha; đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 là 625 ha, giảm 472 ha so với chỉ tiêu phân bổ.

Lý do điều chỉnh

Để đảm bảo thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011.

(6) Đất bãi thải, xử lý chất thải

Theo phân bổ, chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 là: 3.409 ha; kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015 là: 180 ha; còn lại (chưa thực hiện) là: 3.229 ha. Ủy ban nhân dân Thành phố cân đối, xác định nhu cầu sử dụng đất vào mục đích bãi thải, xử lý chất thải thời kỳ 2016 – 2020 là 467 ha; đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 là 647 ha, giảm 2.762 ha so với chỉ tiêu phân bổ.

Lý do điều chỉnh

Để đảm bảo thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; Quyết định số 725/QĐ-TTg ngày 10/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thoát nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 25/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(7) Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ

Theo phân bổ, chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 là: 984 ha; kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015 là: 127 ha; còn lại (chưa thực hiện) là: 857 ha. Ủy ban nhân dân Thành phố cân đối, xác định nhu cầu sử dụng đất vào mục đích làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ thời kỳ 2016 – 2020 là 299 ha; đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 là 426 ha, giảm 558 ha so với chỉ tiêu phân bổ.

Lý do điều chỉnh

Để đảm bảo thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 08/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(8) Đất cơ sở giáo dục – đào tạo

Theo phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 là: 5.930 ha; kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015 là: 562 ha; còn lại (chưa thực hiện) là: 5.368 ha. Ủy ban nhân dân Thành phố cân đối, xác định nhu cầu sử dụng đất vào mục đích giáo dục – đào tạo thời kỳ 2016 – 2020 là 740 ha; đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 là 1.302 ha (*chưa bao gồm diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo tại các khu đô thị mới chưa giao cho chủ đầu tư thi phát xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*), giảm 4.628 ha so với chỉ tiêu phân bổ.

Lý do điều chỉnh

Để đảm bảo thực hiện Quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo Thủ đô Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; các định hướng chiến lược và giải pháp thực hiện quy hoạch trên cơ sở thực tiễn phát triển KT-XH và giáo dục Thủ đô và nhu cầu của các đơn vị ngoài công lập trong giai đoạn 2016-2020.

(9) Đất ở tại đô thị, khu đô thị

Theo phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 là: 1682 ha; kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015 là: 768 ha (*không tính: 1.432 ha đất ở nông thôn chuyển sang đất ở đô thị khi thành lập quận Nam Từ Liêm và Bắc Từ Liêm*); còn lại (chưa thực hiện) là: 914 ha. Ủy ban nhân dân Thành phố cân đối, xác định nhu cầu sử dụng vào mục đích đất ở tại đô thị, khu đô thị thời kỳ 2016 – 2020 là 2.410 ha; Đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 là 4.610 ha, tăng 2.928 ha so với chỉ tiêu phân bổ (*trong đó tăng 1.496 ha để phát triển khu đô thị, khu nhà ở và tăng 1.432 ha do chuyển đất ở nông thôn sang đất ở đô thị tại quận Nam Từ Liêm và Bắc Từ Liêm*).

Lý do điều chỉnh

Để đảm bảo thực hiện Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 03/7/2013 của HĐND Thành phố phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 996/QĐ-

TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội năm 2015 và các năm tiếp theo (giai đoạn 2016-2020).

Trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2015, nhiều dự án khu nhà ở, khu đô thị phải dừng chờ điều chỉnh quy hoạch theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô và Quy hoạch phân khu đô thị, đến nay cơ bản các Quy hoạch phân khu đô thị trên địa bàn các quận, huyện, thị xã đã được phê duyệt nên các chủ đầu tư tiếp tục đăng ký thực hiện. Ngoài ra, trong thời gian qua, Thành phố đã đầu tư xây dựng nhiều tuyến đường giao thông mới (như: *tuyến đường Nhật Tân – Nội Bài, tuyến đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng*) tạo động lực cho phát triển các khu đô thị mới khu vực hai bên đường đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt quy hoạch và dự kiến triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016-2020.

(10) Đất ở nông thôn

Theo phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 là: 2.712 ha; kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015 là: 684 ha (*không tính 1.432 ha đất ở nông thôn giảm do chuyển sang đất ở đô thị khi thành lập quận Nam Từ Liêm và Bắc Từ Liêm*); còn lại (chưa thực hiện) là: 2.028 ha. Ủy ban nhân dân Thành phố cân đối, xác định nhu cầu sử dụng đất vào mục đích đất ở nông thôn kỳ 2016 – 2020 là 2.235 ha (*bao gồm cả nhu cầu sử dụng đất cho đấu giá đất ở nông thôn, đất xen kẹt và chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề trong khu dân cư nông thôn*); Đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 là 2.920 ha, tăng 207 ha so với chỉ tiêu phân bổ.

Lý do điều chỉnh

Đề phù hợp với Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch chung cấp huyện được phê duyệt và tạo quỹ đất đấu giá để thực hiện chương trình nông thôn mới.

(11) Các chỉ tiêu sử dụng đất khác (y tế, văn hóa, thể dục thể thao, công trình sự nghiệp, khoáng sản ...) có thay đổi nhỏ so với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được xác định tại Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ (Báo cáo chi tiết tại Biểu 01 kèm theo).

3. Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

(Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo)

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 5 NĂM KỲ CUỐI 2016-2020

Trên cơ sở các chỉ tiêu sử dụng đất Thành phố xác định trong phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và căn cứ vào nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố và khả năng cân đối nguồn lực đầu tư qua các năm, UBND Thành phố xác định chỉ tiêu phân bổ diện tích sử dụng các loại đất trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020. Cụ thể chỉ tiêu chuyển mục đích các loại đất sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư các năm trong kỳ kế hoạch như sau: năm 2016 là 5.071 ha; năm 2017 là 5.137 ha; năm 2018

là 5.115 ha; đến năm 2019 là 3.775 ha; năm 2020 là 6.352 ha. (Chi tiết tại Biểu 02. Phân bổ diện tích các loại đất trong Kỳ kế hoạch sử dụng đất 2016-2020).

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 5 NĂM KỲ CUỐI (2016- 20-20) THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Thực hiện tốt việc công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đề án “Cung cấp thông tin Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” đã được UBND Thành phố phê duyệt. Tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân dễ dàng tiếp cận, nghiên cứu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên trang thông tin điện tử.

2. Triển khai việc lập và phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đảm bảo chặt chẽ, sát với thực tế của từng địa phương; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

3. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai của Thành phố; có cơ chế, chính sách hỗ trợ hành chính, pháp lý cho các chủ đầu tư đối với trường hợp dự án không thuộc diện Nhà nước thu hồi đất.

4. Làm tốt công tác thẩm định nhu cầu sử dụng đất khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất được duyệt; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất sau khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, kịp thời xử lý các trường hợp chậm triển khai theo đúng quy định của Luật Đất đai.

5. Cân đối, bố trí vốn ngân sách và có cơ chế tạo các nguồn lực tài chính hợp pháp cho Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất “sạch” để giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, phát huy có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai.

Căn cứ quy định của Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, UBND thành phố Hà Nội kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) thành phố Hà Nội./.

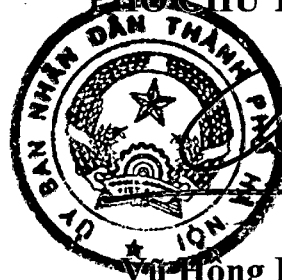
Nơi nhận/

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
(để báo cáo);
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Các PCTUBND Thành phố;
- Các Ban: KTNS, Pháp chế;
- Các Sở: TNMT, QHKT, KH&ĐT, TC, NN&PTNT;
- VPUBTP: CVP, PCVP Phạm Chí Công, TH, TNth;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Khanh

Biểu 01. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số **83** /TTr-UBND ngày **13** tháng 11 năm 2015 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất 2015	Chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện theo nghị quyết 06/NQ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ			Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2020		Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2020
			Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020	Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015	Chỉ tiêu sử dụng đất còn lại	Nhu cầu sử dụng đất xác định giai đoạn 2016-2020	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 06/NQ-CP	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	(7)	(8)=(7)-(6)	(9)=(3)+(7)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN	335 901,12						335 901,12
1	Đất nông nghiệp	195 121,22	36 359,07	10 287,38	26 071,69	20 692,68	Tăng 5 379,01	174 428,54
	Trong đó:							
1.1	Đất trồng lúa	108 490,82	22 803,14	6 432,32	16 370,82	13 488,08	Tăng 2 882,74	95 002,74
	<i>trong đó đất chuyên trồng lúa nước</i>	99 888,79	11 378,43	3 489,64	7 888,79	7 888,79	Không thay đổi	92 000,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm	19 818,23	4 467,72	2 144,30	2 323,42	2 561,38	Giảm 237,96	17 256,85
1.3	Đất rừng phòng hộ	4 793,17	3 587,49	128,20	3 459,29	4 176,83	Tăng 589,34	8 970,00
1.4	Đất rừng đặc dụng	10 274,16	3 251,26	1 070,20	2 181,06	904,24	Giảm 2 347,02	11 178,40
1.5	Đất rừng sản xuất	7 134,20	4 389,43	1 142,50	5 531,93	626,21	Tăng 3 765,72	6 507,99
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	13 865,60	402,65	2 144,95	2 547,60	1 029,11	Tăng 3 576,71	14 894,71
2	Đất phi nông nghiệp	134 266,20	43 888,59	10 102,07	33 786,52	25 450,00	Giảm 8 336,52	159 716,20
	Trong đó							
2.1	Đất quốc phòng	7 281,22	6 028,75	660,64	5 368,11	3 942,80	Giảm 1 425,31	11 224,02
2.2	Đất an ninh	394,95	420,02	234,10	185,92	393,33	Tăng 207,41	788,28
2.3	Đất khu, cụm công nghiệp	3 089,97	4 562,36	501,00	4 061,36	2 745,03	Giảm 1 316,33	5 835,00
2.4	Đất hoạt động khoáng sản	300,05	440,57	72,00	368,57	540,95	Tăng 172,38	841,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất 2015	Chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện theo nghị quyết 06/NQ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ			Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2020		Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2020
			Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020	Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015	Chỉ tiêu sử dụng đất còn lại	Nhu cầu sử dụng đất xác định giai đoạn 2016-2020	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 06/NQ-CP	
2.5	Đất phát triển hạ tầng	43 876,11	21 263,05	4 795,00	16 468,05	8 893,43	Giảm 7 574,62	52 769,55
	Trong đó							
+	Đất cơ sở văn hóa	935,63	1 202,78	83,72	1 119,06	731,91	Giảm 387,15	1 667,54
+	Đất cơ sở y tế	538,31	666,40	112,14	554,26	394,20	Giảm 160,06	932,51
+	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	4 139,72	5 930,21	562,00	5 368,21	740,18	Giảm 4 628,03	4 879,90
+	Đất cơ sở thể dục - thể thao	1 592,13	748,41	169,80	578,61	823,87	Tăng 245,26	2 416,00
2.6	Đất có di tích lịch sử, danh thắng	425,94	1 097,52	8,18	1 089,34	616,62	Giảm 472,72	1 042,56
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	592,67	3 409,24	179,95	3 229,29	466,68	Giảm 2 762,61	1 059,35
2.8	Đất ở tại đô thị	11 630,86	1682	768	914	2 410,10	Tăng 1 496	14 040,96
2.9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	971,70	289,42	126,85	162,57	284,32	Tăng 121,75	1 256,02
2.10	Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	1 226,63	10,53	9,31	1,22	135,54	Tăng 134,32	1 362,17
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	3 303,92	984,13	127,10	857,03	299,20	Giảm 557,83	3 603,12
3	Đất chưa sử dụng	6 513,70	7 529,51	2 826,81	4 702,70	4 757,32	Giảm 54,62	1 756,38

Biểu 02. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 5 NĂM (2016- 2020)

(Kèm theo Tờ trình số 83 /TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2015 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: ha

Chỉ tiêu	Tổng diện tích (ha)	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	335 901,12	335 901,12	335 901,12	335 901,12	335 901,12	335 901,12
1. Đất nông nghiệp	174 428,54	190 732,67	186 404,65	182 564,38	179 930,97	174 428,54
1.1 Đất trồng lúa	95 002,74	105 361,68	102 716,50	99 915,96	97 883,16	95 002,74
<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước (2 vụ trở lên)</i>	92 000,00	98 248,08	96 715,87	94 965,98	93 809,80	92 000,00
1.2. Đất trồng cây lâu năm	17 256,85	19 111,54	18 635,64	18 655,76	18 129,90	17 256,85
1.3 Đất rừng phòng hộ	8 970,00	5 351,75	6 108,08	7 227,55	8 053,62	8 970,00
1.4 Đất rừng đặc dụng	11 178,40	10 327,45	10 361,87	10 558,79	11 109,33	11 178,40
1.5 Đất rừng sản xuất	6 507,99	7 297,31	7 163,28	7 004,58	6 792,64	6 507,99
1.7 Đất nuôi trồng thủy sản	14 894,71	14 121,55	14 256,59	14 646,28	14 848,99	14 894,71
2 Đất phi nông nghiệp	159 716,20	139 336,95	144 473,93	149 589,61	153 364,09	159 716,20
2.1 Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	1 256,02	1 018,41	1 098,61	1 174,36	1 211,36	1 256,02
2.2 Đất quốc phòng	11 224,01	8 341,66	9 286,62	10 191,12	10 569,24	11 224,01
2.3 Đất an ninh	788,28	501,24	647,94	678,31	725,97	788,28
2.4 Đất khu công nghiệp	5 835,00	3 769,35	4 317,16	4 951,23	5 315,23	5 835,00
+ <i>Đất xây dựng khu công nghiệp</i>	4 047,00	3 025,21	3 284,12	3 646,52	3 817,04	4 047,00
+ <i>Đất xây dựng cụm công nghiệp</i>	1 788,00	744,14	1 033,04	1 304,71	1 498,19	1 788,00
2.5 Đất hoạt động khoáng sản	841,00	341,28	578,11	736,01	781,00	841,00
2.6 Đất di tích, danh thắng	1 042,56	649,08	678,85	792,26	881,06	1 042,56
2.7 Đất bãi thải, xử lý chất thải	1 059,35	687,08	828,84	910,62	976,39	1 059,35

Chỉ tiêu	Tổng diện tích (ha)	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
2.8 Đất tôn giáo, tín ngưỡng	1 362,17	1 250,49	1 270,84	1 331,17	1 340,02	1 362,17
2.9 Đất nghĩa trang, nghĩa địa	3 603,12	3 336,95	3 380,09	3 419,86	3 586,76	3 603,12
2.10 Đất phát triển hạ tầng	52 769,55	45 670,51	47 340,92	49 206,02	50 743,03	52 769,55
<i>Trong đó:</i>						
+ Đất cơ sở văn hóa	3 248,97	1 962,82	2 211,17	2 543,78	2 807,18	3 248,97
+ Đất cơ sở y tế	932,51	654,47	727,79	781,32	842,86	932,51
+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	4 879,90	4 292,14	4 436,69	4 579,09	4 716,81	4 879,90
+ Đất cơ sở thể dục - thể thao	2 416,00	1 753,74	1 879,91	2 048,10	2 191,02	2 416,00
2.11. Đất ở tại đô thị	14 040,96	12 110,88	12 548,97	12 899,12	13 302,31	14 040,96
3. Đất chưa sử dụng	1 756,38	5 831,50	5 022,53	3 747,13	2 606,06	1 756,38